

中華民國二十三年

羅馬字母綴法

字典

北平關東店胡同甲一號教育聯合會

北平西什庫道使會印字館排印

中華民國二十三年

羅馬字母綴法

字典

北平關東店胡同甲一號教育聯合會

羅馬字母綴法

字典

序

識字本來是個達到宗旨的方法、而自己不是宗旨。即是個方法、越簡便、越妙、在現今科學進步時代、莫不感中國古文字難學、至於沒空研究其他功課。於此用羅馬字母的主張屢起、然每起每敗。果然中國話不統一。若用羅馬字母代表一個地方的口音、住別的地方的人就不能明白。就是在同一個地方、用羅馬字母照音寫、也嫌沒有中國文字清楚。比方官話、念如「一」的字有一百多。若把那些念如「一」的字都寫作「i」字母、未免有時意思不明了。再加上、古文、若用羅馬字母寫、恐怕連一句也不能明白。

此大弊病、都是因為用羅馬字母不得其法而生出來的。果然歐洲用羅馬字母諸國、不單使羅馬字母代表口音、然也使牠又代表意思。比方英文 son 和 sun, see 和 sea, die 和 dye 諸話音雖同、寫法卻不同、因為意思也不同。再比方法文 ver, vers, vair, verre, vert, 也都是同音的話、而寫法不同因為意思也不同。歐洲各國差不多都照着各音的根原(古音)而定寫法。如今願意用羅馬字母寫中國話、也得那麼辦、才能實行。

羅馬字母綴法不是別的、就是把唐韻或廣韻的反切變作羅馬字母。故此合中國文字有一樣的通行及明了的性質。又不失羅馬字母自有的長處、卽是好學、好讀、好寫、可用打字機、可按字母的次序編各樣方便字典、博學誌、目錄等。綴法真有解決民衆識字、學校加增實用功課等問題的價值。

願意學本綴法者、有《羅馬字母綴法ABC 自修本兼教授書》一本可買(定價三角五)。

自己願意用綴法寫、必得有字典。故此敝人挑選五千多字、用心查考古反切、編了此字典。

有時一字切多、乃當照意義選擇相當的綴法。於本字典、轉音表以符號如下：■表平聲；◡■表上聲；◡°表去聲；■。表入聲。

羅馬字母綴法

官話讀法

一覽表

每個字的綴法能含四樣成分、就是：聲母、介母、韻母、調母。本表用「國音注音符號」以解釋官話口音。聲母或韻母缺乏時、乃綴法以介母起或止。表之用○號。

在「國音注音符號」行上、○號表「不發音」的意思。

聲 母	
聲 音	陰：k kh xh h
	陽：g gh x q ○
	讀：ㄍ、ㄎ ㄎ、ㄍ ㄒ、ㄒ ㄑ、○ ⁽¹⁾
ㄎ、ㄍ、ㄒ用於一、ㄩ音之前。 (1)有介母時、h, q 不讀。	
牙 音	陰：t th c ch s
	陽：d dh j jh z zh
	讀：ㄊ ㄊ ㄐ ㄑ ㄗ ㄗ、ㄗ ⁽¹⁾
(1)在i字母前、zh 讀ㄗ	

舌音

陰: ty thy cy chy sy
 te the ce che se
 陽: dy dhy jy jhy zy zhy ry
 de dhe je jhe
 讀: 出 彳 出尸⁽¹⁾ 彳尸⁽¹⁾ 尸 彳尸⁽²⁾ 曰儿⁽³⁾

(1) jy, je, jhy, 若在後沒有 a 多別的一個字母、如 an, ao 等、乃讀尸。

(2) zhy 作末音時(缺韻母時)讀尸。

(3) ry 作末音時、而不爲入聲、讀儿。

腭音

陽: l n
 讀: ㄌ ㄋ

注意此類聲母皆爲陽

脣音

陰: p ph
 陽: b bh m
 讀: ㄅ ㄆ ㄇ

脣牙音

陰: f fh
 陽: v vh w
 讀: ㄈ ㄉ ㄨ

介 母

e ⁽¹⁾	y ⁽¹⁾	i ⁽⁵⁾	u	eu ⁽¹⁾	yu ⁽¹⁾	iu
讀：一、○ ⁽²⁾	—		ㄨ ⁽³⁾		ㄩ ^{(3),(4)}	

(1) e, y 在牙音聲母之後、與該聲母結合而成舌音聲母。

(2) e 在喉音聲母之後、讀一、不然、就不讀。

(3) 在唇音、唇牙音(亦有地方、在膠音)聲母後、ㄨ 不讀。

(4) 在 ㄥ \ 韻音前、yu, iu 讀 ㄨ。

(5) i 作末音時、或在後只有 e 韻母時、在 c, ch, j, jh, s, z, zh 之後不讀。

韻 母

含 a 者:	a	<u>an</u> <u>am</u>	<u>aq</u> <u>ag</u>	ae	ao
讀:	ㄘ ㄩ ㄗ ⁽¹⁾	ㄣ	ㄤ	ㄞ \ ○ ⁽²⁾	ㄠ
無 a 者:	○	<u>n</u> <u>m</u>	<u>q</u> <u>g</u>	e	o
讀:	(3)	ㄣ	ㄥ	ㄞ \ ○ ⁽²⁾	ㄠ

(1) a 在喉音聲母之後讀ㄘ。在其他聲母之後讀ㄨ ㄣ (或ㄣ)。然 at, ap, a 讀 ㄩ。——在 e, eu 介母之後讀 ㄩ。——在 i, y, iu, yu 介母之後讀 ㄗ。——在 u 介母之後讀 ㄣ。然聲母若爲脣牙音、乃讀 ㄩ。——ak, ax 常讀 ㄣ (北方、讀 ㄠ)。

(2) ae, c, 在 i, y 介母之後不讀。在 u, iu, yu 介母之後讀 ㄣ。在其他字母之後、讀 ㄞ。

(3) 缺韻母時、介母作末音。當注意者有: ex, ek 讀 ㄣ (北方, x, k 讀如 ae. 見上)。——k. 缺介母時、讀 ㄣ (北方讀 ㄣ)。

調 母

c: 平聲 (聲母爲陰時、讀陰平。聲母爲陽時、讀陽平。)

h: 上聲。(然聲母爲陽而有相對的陰聲母、乃讀去聲。)

s: 去聲。

k, p, t, x: 入聲 (北方無入聲之存在 遇入聲時:——— 聲母爲陽而有相對的陰聲母。乃讀陽平。——— 聲母爲陽而無相對的陰聲母、乃讀去聲。——— 聲母爲陰、乃沒有一定的規矩 當一句一句的記聲調。

^ 符號於讀法上沒有影響、

1 一 部

- 一 hyt
1 丁 tige
七 chit
2 °上 zyaqh
上° zyaqs
下 xeah
三 sâmç
丈 dyaqh
万 wuans
3 𠂇 kâes
不 put
丑 thyoh
与 iûc
°与 iûh
与° iûs
4 世 syaes
丘 khyoc
丕 phyuec
丙 pýgh
且 chiah
5 𠂇 lyaqh
丞 zhyqc
丢 tioc
6 𠂇 lyaqh
𠂇 sâh
7 𠂇 biugh

2 | 部

- | kunh
2 个 kas
𠂇 heac
3 丰 vhuqc
中 tyuqc
中° tyuqs
4 𠂇 keuans
6 串 chyuans
8 𠂇 ghyêc

3 、 部

- 、 tyuh
2 丸 xuanc
» quanc
3 丹 tanc
4 主 cyuh

4 J 部

- J phiat
1 乃 naeh
2 久 kyoh
3 之 cyc
4 乏 vuap
乎 xuc
乍 jeas

- 6 𠂇 tuaec
7 乖 keuaec
9 乘 jhyqc

5 乙 部

- 乙 hyt
1 九 kyoh
2 乞 khýt
也 iah
5 𠂇 kiaec
7 乳 ryuh
10 乾 kanc
乾 ghyanc
12 亂 luans

6 J 部

- J gýuat
1 了 liaoh
3 子 iûc
°子 iûh
7 事 jes

7 二 部

- 二 ryes
1 于 hyúc
于 yuc
𠂇 hyúc

	互	yuc
2	互	xus
	五	quh
	井	cigh
	云	ÿunc
4	互	kqs
5	况	xhyuaqs
	»	khyuaqs
	些	siac
6	亞	heas
	亟	kyk

8 亠 部

	亠	dhoc
1	亡	wuaqc
2	亢	kaqc
	亢	khaqs
4	亥	xaeh
	亦	ix
	交	keaoc
5	亨	xhgc
6	享	xhyaqh
	京	kÿgc
7	亭	dhigc
	亮	lyaqc
	竟	ianh

8	毫	bak
9	毫	xaoc
11	亯	tanh
19	亯	wueh
	»	munc

9 人 亻 部

	人	rync
2	什	zyp
	仆	fhus
	仁	rync
	仍	ryqc
	介	keaes
	仇	ghyoc
	»	zhyoc
	今	kymc
	仃	tigc
	仄	cek
	从	chiûqc
	»	jhiûqc
	»	jiûqs
3	仕	jeh
	付	fus
	以	ih
	令	lygs
	仙	sianc

	他	thàc
	代	daes
	仗	dyaqs
	仝	dhuqc
	仔	cih
	仵	chianc
4	伐	vuat
	仿	fuaqh
	仿	vhuaqc
	份	vuns
	伏	vuk
	休	xhyoc
	合	xap
	会	xuâes
	»	kuâes
	伙	xhuah
	伊	hyec
	任	rymc
	任	ryms
	伉	khaqs
	伎	gyèh
	企	khyès
	价	keaes
	件	gyanh
	仵	quh
	伍	quh

5 仲 dyuqs
 仰 qyaqh
 伸 sync
 佛 vut
 何 xac
 佚 it
 伽 ghyac
 估 kuh
 伶 ligc
 你 nyh
 倪 nyh
 候 nigs
 侮 wuh
 伴 buanh
 伯 pêx
 伴 pegc
 佈 pus
 似 zih
 伺 zis, sis
 但 danh
 佔 cyams
 住 dyus
 佇 dyûh
 低 tiaec
 体 thiaeh
 佃 dians

佻 thac
 佻 dhac
 作 cak
 佐 cas
 位 yues
 佑 yos
 余 iûc
 6 使 seh
 使 ses
 侍 zys
 依 hÿec
 佻 it
 佳 keâc
 降 keags
 供 kyûqc
 供 kyûqs
 來 laec
 例 liaes
 佩 buaes
 併 pygh
 併 pygs
 侄 dyt
 侈 chyéh
 佻 dhiaoc
 佻 thiaoc
 侗 dhuqc

7 佻 iaqc
 俘 fhuc
 侯 xoc
 係 xiaes
 俠 xiap
 》 keap
 徑 kigs
 俚 lyh
 俐 lyes
 侶 lyûh
 併 luqs
 俄 qac
 娜 nac
 侮 wuh
 保 paoh
 便 byans
 便 bhyanc
 俟 jeh
 信 sins
 俗 ziûk
 倮 iûqh
 倮 thuqc
 俏 chiaos
 侵 chimc
 俎 ceûh
 促 chiûk

俊 ciuns 翁 iuc 8 倏,倏 syuk 倣 fuaqh 倖 vùqs 俯 fuh 候 xos 倖 xegh 倚 hyèh 俱 kyuc; 倨 kyús 倨 gýuat 倦 gyuans 個 kas 倆^o lyaqs ^o倆 lyaqh kas, 倫 lyunc [lyaah 們 munc 俺 hamc 倪 qiaec 俾 pyuèh 倖 puaes, buaeh ^o併 pygh 併^o pygs 修 sioc 脩 sioc	倫 thaqh ^o倒 taoh 倒^o taos 倡^o chyaqc 倡^o chyaqs 值^o dyes 值 dyk 倉 chaqc 借 cias 倩 chigs 》 cbians 倭 huac, hyuès 9 ^o假 keah 假^o keas 偕 keaec 偈 gyat 健 gýans 偶 qoh 偏 pyk 偏 phyanc 偲 sic 側 cek 偵 thygc 偷 thoc 停 dhigc 偕 catmunc	猷 chioc 倣 cas 偉 yueh 偃 hyanh 10 傅 fus 傢 keac 傑 gyat 傀 khuaeh 傍^o buaqs 傍^o bhuaqc 備 byues 傘 sanh 叟 soh 11 叟 seah 傷 syaqc 僅 gýns 傾 khyugc 倭 lyuh 倭 lyuk 傲 qaos 僇 phiaos 僇 sianc 僇 ceâes 僇 jeaoh 傳^o dhyuanc 傳^o dyuans
--	---	---

僉	chiamc
催	chuaec
傭	iûqc
僇	hyuh
12 債	funs
僥	kiaoh
僱	kus
僚	liaoc
僕	bûk
僧	sqc
像	ziaqh
僕	jeuanh
僮	dhucq
僭	ciams
僛	cios
僞	qyuês
13 僿	xeuanc
儀	qyêc
億	hyk
價	keas
傲	kiaoc
儉	gyamh
儆	kýgh
儂	nûqc
僻	phyx
僨	ciuns

14 儒	ryuc
僈	wuh
儕	jheaec
壽	dhyoc
儘	cinh
15 儻	luaeh
償	zhyaqc
償	canh
優	hyoc
16 儲	dhyúc
儻	dhqc
17 儻	cheamc
19 儻	liaes
羅	lac
儻	nac
償	canh
20 儻	thaqh
21 儻	qýamh
儻	luaes

10 几 部

几	qut
2 元	qýuanc
允	iunh
3 兄	xhýugc
充	chyuqc

4 兕	xhyùqc
光	kuaqc
先	sianc
兆	dyaoh
充	chyuqc
5 克	kñk
免	myanh
克	chyuqc
兌	duâes
兕	thus
6 兕	ryêc
兕	zih
免	thus
兕	ianh
8 兕	taqh
9 兕	toc
10 兕	toc
12 兢	kyqc

11 入 部

入	ryup
2 內	nuaes
4 全	jhiuanc
6 兩	lyaqh
7 俞	iuc

12 入 部

- 八 peuat
 2 兮 xiaec
 公 kuqc
 六 lyuk
 4 共 gyûqs
 5 兵 pÿgc
 6 其 ghyc
 具 gyus
 典 tianh
 8 兼 kiamc
 11 龔 kyes
 14 冀 kyes

13 冂 部

- 冂 kiugc
 3 冂 xuaec
 冂 ryamh
 册 chex
 4 再 caes
 5 冂 kÿugh
 6 冂 maos
 7 冂 maos
 9 冂 myanh

14 冂 部

- 冂 mix
 2 冂 ryûqh
 冂 ioc
 7 冂 kuanc
 冂 kuans
 8 冂 migc
 冂 tyûqh
 冂 hÿuanc

15 冂 部

- 冂 pyqc
 3 冂 tûqc
 4 冂 pyqc
 冂 kiuat
 冂 thyuqc
 5 冂 xhyuaqs
 » khyuaqs
 冂 lêgh
 冂 iah
 6 冂 lyat
 8 冂 lyaqc
 冂 lyqc
 冂 cyunh
 冂 tiaoc
 冂 tuqs

- 淒 chîaec
 淨 jigs
 清 chigs
 9 減 keamh
 13 凜 lymh
 14 凝 qyqc
 15 瀆 duk

16 几 部

- 几 kyeh
 1 几凡 vhuamc
 6 凭 bhyqc
 9 凰 xuaqc
 10 凱 khaeh
 12 凭 bhyqc
 登 tqc

17 口 部

- 口 khams, khÿamh
 2 凶 xhyûqc
 3 出 chyut
 凸 dut
 凹 heuap
 6 函 xamc
 7 函 xamc

18 刀 刂 部

- 刀 taoc
 刁 tiaoc
 1 刃 rync
 2 分 func
 分 vuns
 刈 qyæc
 办 cheuaqc
 切 chiæt
 切 chiæt
 3 刊 khanc
 4 刑 xigc
 划 xeuac
 列 lyat
 刈 lyoc
 刎 wunh
 刖 qyuat
 5 删 seânc
 刼刼 kÿap
 利 lyes
 判 phuans
 刳 bheaoc
 刳^o beaos
 刳 byat
 初 cheûc
 6 刷 seuat

- 券 khyuans
 刻 khk
 刮 keuat
 刳 khuc
 到 taos
 刹 cheat
 制 cyaes
 剋 thiaoc
 剋 tuas
 剋 tuas
 刺 chiês
 7 剋 kigh
 剋 khk
 剋 lat
 剋 siak
 剋 thiaes
 剋 ck
 前 jhîanc
 刳 chuas
 8 剛 kaqc
 剋 phoh
 剋 peuax
 剋 cheanh
 剋 thix
 剋 huanc
 9 剋 fhos

- 剋 keuah
 剋 phyans
 剋 tuanc
 剋 cianh
 10 剋 jyqs
 剋 kat
 剋 tap
 剋 cheuaqc
 剋^o cheuaqs
 剋 teuax
 11 剋 siaec
 剋 dhyec
 剋 cheanh
 剋 ciaoh, cheaoh
 12 剋^o xeux
 剋^o xeuâs
 剋 teap
 13 剋 gÿx, gyûs
 剋 kÿams
 剋 kuâes
 剋 lyoc
 剋 phix
 14 剋 xhuak
 剋 qys
 剋 teuax
 剋 jiaes
 17 剋 cheâmç

19 力 部

- 力 lyk
- 2 劝 khÿuans
- 3 加 keac
- 功 kuqc
- 4 荔 xiap
- 劣 lyuat
- 5 劫 kÿap
- 劬 ghyuc
- 努 nub
- 助 jeús
- 6 効 xeaos
- 劾 xk, xaes
- 劓 kheat
- 7 勁 kygs
- 勅. thyk
- 勅. laes
- 勉 myanh
- 勃 but
- 勅. thyk
- 勇 iûqh
- 8 勑. laes
- 勑. thyk
- 務 wus
- 9 勑 xat
- 勑 khams

- 勒 lk
- 勑. duqh
- 勑. duqs
- 10 勝 syqc
- 勝 syqs
- 勞 laoc
- 勞. laos
- 11 勢 syaes
- 勤 gbÿnc
- 募 mus
- 勑. cix
- 勑. ciaoh
- 14 勑. xhÿunc
- 15 勵 lyaes
- 18 勑 khÿuans

20 勹 部

- 勹 peac
- 1 勹 zyak
- » cyak
- 2 勹 koc
- 勿 wut
- 勻 iunc
- 3 包 peac
- 勑. chuqc
- 4 勑 xhyûqc

- 旬 zhiunc
- 7 匚 bhuc
- 9 匚 vuk, bk

21 匕 部

- 匕 pyeh
- 2 化 xheuas
- 3 北 pk
- 9 匙 zhyêc

22 匚 部

- 匚 fuaqc
- 3 匚 cap
- 4 匚 khaqs
- 匚 khyuaqc
- 匚 jiaqs
- 5 匚 xeap
- 8 匚 fueh
- 11 匚 xuaeh
- 12 匚 gyues
- 匚 lyamc
- 13 匚 lyamc
- 15 匚 duk

23 匚 部

- 匚 xiaeh
- 2 匹 phyt, phit